

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**;

2. Ông **Ngô Văn Mừng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M – tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về Việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 368A/2020/QĐST –HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1979: địa chỉ: ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn C, sinh năm 1979: địa chỉ: ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh C do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2000, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N M, huyện C M, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không hợp nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 06/01/2001 (hiện nay đã thành niên).

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ anh Lê Văn C đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh C vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện anh Lê Văn C cư trú ấp N N, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị N và anh C sống chung với nhau vào năm 2000 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban dân xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2018 cho đến nay nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị N và anh C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh C, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 06/01/2001 (hiện nay đã thành niên)

[4]. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh C trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lê Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 10/01/2000 của Ủy ban nhân dân xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 06/01/2001 (hiện nay đã thành niên).

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh C trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008444 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang. Chị N không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện C M;
 - Chi cục THADS huyện C M;
 - UBND xã N M, huyện CM
- Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Các đương sự;
 - Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

